TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11/6/2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Vũ Thị Tuyến**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Lò Văn Ơn**

Bà **Lường Thị Minh**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thu Hương** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên *tham gia phiên toà:* Ông **Nông Quốc Hoàn** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2019/QĐST - HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lò Thị S** - Sinh năm 1988; Địa chỉ: Đội 3, bản C, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn Th** - Sinh năm 1985; Nơi ĐKNKTT: Bản C, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Chỗ ở hiện nay: Đội 16, bản Ch, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/3/2019 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Lò Thị S trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị S và anh Th kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/7/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Trong quá trình chung sống với nhau tại bản C, xã Th, huyện

Đ, chị S và anh Th thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Th nghiện ma túy, không tu chí làm ăn, đua đòi ăn chơi, lười lao động, thường xuyên chửi mắng chị S, đập phá tài sản trong gia đình, đe dọa giết vợ con và bố mẹ đẻ của chị S. Chính quyền địa phương đã can thiệp, gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn của vợ chồng chị S và anh Th vẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Vì vậy chị S đã đưa hai cháu về ở cùng bố mẹ đẻ chị S tại bản C, xã Th, huyện Đ từ tháng 7/2017, còn anh Th về ở cùng bố mẹ đẻ của anh Th tại bản Ch, xã Th, huyện Đ, anh chị cũng sống ly thân từ 7/2018 cho đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì những lý do như trên nên chị S đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th vì tình cảm của chị S đối với anh Th không còn, nếu cố níu kéo cũng không có hạnh phúc.

- *Về con chung:* Chị S và anh Th có 02 con chung là Lò Mai H - sinh ngày 26/5/2007 và Lò Thị Ch - sinh ngày 25/9/2008. Hiện tại các cháu đang ở cùng với chị S tại bản C, xã Th, huyện Đ. Chị S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung cho các cháu. Thu nhập của chị S từ nghề làm ruộng được khoảng 3.000.000 đồng/1 tháng, chị S đảm bảo có đủ khả năng về thời gian cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu.

- *Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương*: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

* Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử của thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đối với nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Đối với bị đơn: Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập không thực hiện đúng các quy định về nghĩa vụ của bị đơn tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

* Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Tòa án chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của chị S được ly hôn với anh Th.

- Về con chung: Căn cứ vào các Điều 69, 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Tòa án giao các cháu Lò Mai H - sinh ngày 26/5/2007 và Lò Thị Ch - sinh ngày 25/9/2008 cho chị S chăm sóc. Chị S không yêu cầu về cấp dưỡng nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

- Về tài sản riêng, tài sản chung; Nợ phải trả, nợ lấy về; diện tích ruộng nương: Không có nên không đặt vấn đề giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của nguyên đơn tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn giữa chị Lò Thị S và anh Lò Văn Th thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Lò Văn Th đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng anh Th vẫn không đến tham gia phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của anh Th không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Th theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

**) Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh Th là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện được pháp luật công nhận, chị S cho rằng cuộc sống chung của anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, nguyên nhân là do anh Th nghiện ma túy, không tu chí làm ăn, đua đòi ăn chơi, lười lao động, đập phá tài sản trong gia đình, đe dọa giết vợ con và bố mẹ đẻ của chị S (được chứng minh tại BL: 39). Trong đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa chị S khẳng định chị không còn tình cảm với anh Th nữa nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 7/2017 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa, vì vậy chị S tha thiết có nguyện vọng xin được ly hôn với anh Th. Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến việc giải quyết và xét xử vụ án thông qua mẹ đẻ anh Th (bà Lò Thị Lả) nhưng anh Th không trả lời thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không đến tham gia phiên hòa giải để trình bày quan điểm của mình, điều đó đã thể hiện anh Th chưa thực sự có thiện chí đoàn tụ. Vì vậy không có căn cứ để chứng minh rằng cuộc sống chung của chị S và anh Th vẫn hòa thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh

Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho chị S được ly hôn với anh Th là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

**) Về con chung:* Chị S và anh Th có 02 con chung là Lò Mai Hoa - sinh ngày 26/5/2007 và Lò Thị Chi, sinh ngày 25/9/2008. Hiện tại cả hai cháu đều đang ở với chị S, nguyện vọng của chị S sau khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung cho các cháu vì anh Th nghiện ma túy, không có thu nhập nên không có khả năng để nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Th cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con chung nhưng xét về mặt thực tế hiện tại các cháu đang ở cùng với chị S, anh Th là người nghiện ma túy và không có thu nhập. Mặt khác hai cháu đều có đơn xin được ở với chị S. Vì vậy để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho các cháu Tòa án cần giao cho chị S được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu và anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho các cháu là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình.

**) Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương*: Không có.

*) *Về án phí*: Chị Lò Thị S thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí, căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị S.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị S được ly hôn với anh Lò Văn Th.

2. Về con chung: Giao con chung là Lò Mai H - sinh ngày 26/5/2007 và Lò Thị Ch - sinh ngày 25/9/2008 cho chị Lò Thị S được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị S không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị S.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự chị Lò Thị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/6/2019). Anh Lò Văn Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã Thanh An, huyện Điện Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện ĐB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Tuyến